

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2022/HS-ST

Ngày: 30-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Xô;
2. Ông Nguyễn Chí Dựng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) thị xã K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2022/HSST ngày 31/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HS ngày 06/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/HSST-QĐ ngày 21/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh năm 1991 tại K, Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Trần Thị T1; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh N1 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 145 ngày 05/11/2013, Trưởng Công an thị xã K phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Minh T**, sinh năm 1990 tại K, Hải Dương; nơi cư trú: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 và bà Lê Thị T3 (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Phan Thị N2 và 02 con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 28/11/2017, Trưởng Công an thị xã K phạt tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau. Tại Quyết định xử phạt vi phạm

hành chính số 35 ngày 30/7/2029, Trưởng Công an thị xã K phạt tiền 10.000.000đ về hành vi cho vay quá lãi suất; bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Minh T4, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư BN 3, phường Minh Tân, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1986; trú tại: Khu 2, phường PT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Lê Văn D, sinh năm 1991; trú tại: Thôn 2, xã HS, thị xã K.

4. Anh Tạ Văn H (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H1), sinh năm 1973; trú tại: Số nhà 185, Ngõ 58 phố Đông, khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

5. Anh Lê Văn C1, sinh năm 1982; trú tại: Số nhà 02, đường Trại Cách, khu dân cư DL, phường DT, thị xã K.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1974; trú tại: Khu 2, phường PT, thị xã K.

7. Anh Lê Quang H2, sinh năm 1992; trú tại: Số 3, Ngách 4/17, Núi Bền khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Trần Văn T6, sinh năm 1981; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Trần Thanh H3, sinh năm 1988; trú tại: thôn Đức Sơn, xã Yên Đức, thị xã DT, tỉnh Quảng Ninh.

10. Bà Trần Thị T7, sinh năm 1967; trú tại: khu dân cư ND, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

11. Ông Trần Văn K, sinh năm 1971; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

12. Anh Trần Văn M, sinh năm 1979; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

13. Anh Trần Văn N3, sinh năm 1992; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

14. Anh Trần Văn Q1, sinh năm 1984; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

15. Anh Vũ Văn D1, sinh năm 1986; trú tại: Khu 6, phường PT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

16. Anh Lương Văn T8, sinh năm 1974; trú tại: Khu dân cư TT, phường TD, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

17. Anh Lê Văn Q2, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

18. Anh Lê Văn T9, sinh năm 1992; trú tại: Đội 8, xã HS, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

19. Anh Lê Văn C2, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

20. Anh Lê Văn B1, sinh năm 1982; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
21. Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1972; trú tại: Khu dân cư: TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
22. Anh Nguyễn Trường G1, sinh năm 1980; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
23. Anh Bùi Anh Q1, sinh năm 1998; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
24. Anh Nguyễn Văn T10, sinh năm 1968; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
25. Anh Đoàn Văn Đ1, sinh năm 1989; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
26. Nguyễn Văn C3, sinh năm 1989; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
27. Anh Lê Văn H4, sinh năm 1992; trú tại: Khu dân cư DL, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
28. Anh Lư Văn T11, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
29. Anh Nguyễn Minh Q2, sinh năm 1992;
30. Chị Trần Thị L2, sinh năm 1982;
31. Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1966;
32. Anh Phạm Văn C4, sinh năm 1990;
- Đều trú tại: Khu dân cư ND, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
33. Anh Phạm Văn T12, sinh năm 1983; trú tại: Khu 5, phường PT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
34. Anh Nguyễn Văn C5, sinh năm 1976; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
35. Anh Hoàng Văn N3, sinh năm 1971; trú tại: Khu dân cư Nam Hà, phường Hiến Thành, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
36. Bà Trương Thị E, sinh năm 1967; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
37. Anh Lê Văn D2, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư ND, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
38. Anh Phạm Văn D3, sinh năm 1986; trú tại: Thôn KL, xã Bạch Đằng, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
39. Chị Bùi Thị H5, sinh năm 1973; trú tại: Khu dân cư ND, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
40. Anh Nguyễn Văn N4, sinh năm 1985, trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
41. Anh Dương Văn S1, sinh năm 1966; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
42. Chị Nguyễn Thị P1, sinh năm 1980; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

43. Anh Hoàng Trung K2, sinh năm 1977; trú tại: Khu dân cư Lưu Thượng 2, phường Hiệp An, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
44. Anh Bùi Văn B2, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư KĐ, phường TD, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
45. Anh Phạm Văn B3, sinh năm 1985; trú tại: Khu dân cư KĐ, phường TD, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
46. Chị Lê Thị Bích N5, sinh năm 1999; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
47. Anh Lê Văn M1, sinh năm 1993; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
48. Anh Lê Quang A, sinh năm 1994; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
49. Anh Phạm Văn L3, sinh năm 1992; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
50. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1987; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
51. Anh Trần Văn T13, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
52. Anh Nguyễn Thành L4, sinh năm 1985; trú tại: phường TD, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
53. Chị Bùi Thị P2, sinh năm 1960; trú tại: Thôn Nghĩa Lộ, xã HS, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
54. Anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 2, xã HS, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
55. Anh Lê Văn Q3, sinh năm 1986; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
56. Anh Lê Văn N6, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư DL, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
57. Anh Lê Văn H7, sinh năm 1989; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
58. Anh Lê Văn D4, sinh năm 1991; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
59. Anh Lê Văn H8, sinh năm 1980; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
60. Chị Lê Thị M2, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
61. Anh Lê Văn T14, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Nghĩa Lộ, xã HS, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
62. Anh Vũ Văn Đ2, sinh năm 1980; trú tại: Khu dân cư TT, phường TD, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
63. Anh Hoàng Văn N7, sinh năm 1992; trú tại: Số 8, Ngõ 78, đường Hoàng Thạch, khu dân cư BN 2, phường Minh Tân, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
64. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1966; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT,

thị xã K, tỉnh Hải Dương.

65. Anh Lê Văn N8, sinh năm 1984; trú tại: Khu dân cư DL, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

66. Anh Lê Văn T15, sinh năm 1989; trú tại: Khu dân cư ND, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

67. Anh Trần Văn V2, sinh năm 1988; trú tại: Khu dân cư CX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

68. Anh Lê Văn T16, sinh năm 1992; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

69. Anh Lê Anh T17, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư TX, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

70. Anh Trần Xuân T18, sinh năm 1982; trú tại: Khu dân cư TT, phường TD, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

71. Anh Nguyễn Văn C5, sinh năm 1964; trú tại: Khu dân cư KB, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

72. Chị Dương Thị L5, sinh năm 1992; trú tại: Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở đơn tố giác tội phạm của công dân, ngày 03/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương đã triệu tập Lê Văn H và Phạm Minh T đến làm việc về hành vi cho vay lãi nặng.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2017, Lê Văn H thuê quán của chị Trần Thị Q3, sinh năm 1973, trú tại: Thôn TY, xã HTĐ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh mở quán cầm đồ, cho vay tên “Anh H” ở khu vực công Chợ Xanh, phường DT, thị xã K. Mọi hoạt động của quán do H trực tiếp chỉ đạo điều hành. H mua quyền sử dụng phần mềm Mecash của Công ty cổ phần tập đoàn Tima có trụ sở tại: Tầng 9, tòa nhà Gold Tower, số 275 đường NT, phường TXT, quận TX, thành phố HN, tên tài khoản đăng nhập vào website <https://ag.mecash.vn> là “hieuanh”, mật khẩu là “200200”. H thuê Phạm Minh T làm nhân viên giúp H trông coi, quản lý quán, quản lý phần mềm cho vay, làm thủ tục nhập thông tin khách vay tiền vào phần mềm, cho khách vay tiền, nhắc khách trả lãi, tiến hành thu tiền lãi, thu tiền gốc dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ H, mỗi tháng H trả công cho T từ 05 đến 08 triệu đồng. Nguồn vốn để hoạt động cho vay là tiền của H. Mức lãi xuất cho vay do H quyết định với lãi suất lần lượt là 0đ, 1.100đ, 1.500đ, 1.600đ, 000đ, 500đ, 3.000đ, 3.300đ, 4.000đ và 5.000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất cho vay lần lượt là 0%, 40,15%, 54,75%, 58,40%, 73,00%, 91,25%, 109,50%, 120,45%, 146,00% và 182,5%/1 năm).

Truy cập phần mềm Mecash, với tên tài khoản “hieuanh” do Lê Văn H cung

cấp, xác định: Từ năm 2017 đến ngày 03/4/2022, H và T đã thực hiện 983 lượt cho người vay tiền với lãi suất từ 0đ đến 5.000đ/triệu/ngày. Tổng số tiền cho vay là 15.436.290.360đ, đã thu 6.141.103.892đ tiền lãi. Trong đó, có 943 lượt cho người vay với lãi suất từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày (*tương đương mức lãi suất cho vay từ 109,50% đến 182,50%/1 năm*), với tổng số tiền cho vay là 11.764.790.360đ, đã thu 5.043.168.892đ tiền lãi. Quá trình điều tra, tính đến ngày 03/4/2022, Cơ quan điều tra đã làm rõ H và T đã cho 72 người vay tiền/165 lượt vay với mức lãi suất vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự (Viết tắt: BLDS) năm 2015 quy định, với tổng số tiền cho vay là 1.686.300.000đ, tổng tiền lãi người vay đã trả là 886.603.100đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 759.184.744đ, cụ thể H và T đã cho vay:

1. Anh Trần Minh T4 05 lượt: Ngày 13/04/2020 vay 9.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 10/03/2021 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 11.880.000đ; ngày 13/12/2018 vay 40.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 15/03/2020 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 73.440.000đ; ngày 11/09/2017 vay 30.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 16/10/2018 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 48.120.000đ; ngày 01/05/2021 vay **10.000.000đ**, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 24/02/2022 đã trả tổng tiền lãi là 1.000.000đ, chưa trả tiền gốc; ngày 25/04/2021 vay **50.000.000đ**, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 18/02/2022 đã trả tổng tiền lãi 60.000.000đ, chưa trả tiền gốc.

2. Anh Nguyễn Xuân B 09 lượt: Ngày 08/06/2021, vay 15.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 19/10/2021 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 6.030.000đ; ngày 29/06/2021, vay 25.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 19/10/2021 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 8.475.000đ; ngày 19/07/2021, vay 20.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 19/10/2021 đã trả gốc và tổng tiền lãi là 5.580.000đ; ngày 24/09/2021, vay 15.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 19/10/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.170.000đ; ngày 02/09/2021, vay 10.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả tiền gốc vay nên không phải đóng lãi; ngày 04/06/2021, vay 20.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 16/07/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 580.000đ; ngày 11/05/2021, vay 40.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 01/06/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.440.000đ; ngày 05/04/2021, vay 30.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 29/04/đã trả gốc và tổng tiền lãi là 250.000đ; ngày 19/10/2021, vay 100.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, đến ngày 15/02/2022 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 36.000.000đ.

3. Anh Lê Văn D vay 12 lượt: ngày 26/06/2018 vay 10.000.000 đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 23/05/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 10.956.000đ; ngày 22/10/2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 14/01/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 29.700.000đ; ngày 08/10/2018

vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 05/01/2019 đã trả tổng số tiền lãi là 1.485.000đ; ngày 13/06/2018 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 01/08/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.650.000đ; ngày 04/07/2018 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 01/08/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 957.000đ; ngày 09/06/2017 vay 4.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.633.200đ; ngày 02/07/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.41000đ; ngày 31/08/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 3300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.42000đ; ngày 12/10/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 anh Duy đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.729.000đ; ngày 21/10/2017 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 7.161.000đ; ngày 25/10/2017 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 7.029.000đ; ngày 29/04/2018 vay 20.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, đến ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.78000đ.

4. Anh Nguyễn Văn H1 (tên gọi khác: Tạ Văn H) vay 02 lượt: Ngày 06/10/2021 vay 30.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 20/10/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.485.000đ; ngày 12/11/2021, vay 20.000.000đ, lãi suất 3.300 đ/triệu/ngày, ngày 07/03/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 6.649.500đ, chưa trả số tiền gốc.

5. Anh Lê Văn C1 vay 01 lượt: Ngày 08/11/2021, vay 25.000.000đ, lãi suất 4000đ/triệu/ngày, ngày 07/03/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 1.000.000đ, chưa trả số tiền vay gốc.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T5 vay 01 lượt: Ngày 23/11/2017, vay 7.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 30/01/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 53.550.000đ, chưa trả số tiền gốc.

7. Anh Lê Quang H2 vay 01 lượt: Ngày 31/10/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 25/03/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 3.140.000đ, chưa trả số tiền gốc.

8. Anh Trần Văn T6 vay 01 lượt: Ngày 29/07/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay là 4.000đ/triệu/ngày. Đến ngày 09/09/2018 đã trả tổng tiền lãi là 860.000đ, đã trả số tiền gốc.

9. Anh Trần Thanh H3 vay 01 lượt cụ thể: Ngày 19/11/2018, vay 8.000.000đ với lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 18/12/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 960.000đ.

10. Bà Trần Thị T7 vay 02 lượt: Ngày 28/03/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 19/12/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi vay là 25.280.000đ; ngày 12/01/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 15/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.400.000đ.

11. Anh Trần Văn K vay 01 lượt cụ thể: Ngày 25/06/2017, vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 17/03/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.048.000đ.

12. Anh Trần Văn M, vay 01 lượt: Ngày 23/10/2021, vay số tiền 3.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 20/11/2021 đã gốc và tổng số tiền lãi là 435.000đ.

13. Anh Trần Văn N3 vay 02 lượt: Ngày 21/09/2017, vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 26/06/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.975.000đ; ngày 31/05/2017, vay 7.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 13/08/2017 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 625.000đ.

14. Anh Trần Văn Q1 vay 01 lượt: Ngày 18/04/2019, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/06/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.320.000đ.

15. Anh Vũ Văn D1 vay 01 lần: Ngày 27/08/2018, vay 100.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, ngày 22/01/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 44.700.000đ.

16. Anh Lương Văn T8 vay 01 lần: Ngày 21/09/2019, vay 3.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 30/09/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 150.000đ.

17. Anh Lê Văn Q2 vay 02 lần: Ngày 26/02/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 15/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 720.000đ; ngày 02/10/2017 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 13/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.379.000đ.

18. Anh Lê Văn T9 vay 01 lần: Ngày 22/12/2018, vay 50.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 04/01/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 310.000đ.

19. Anh Lê Văn C2 vay 06 lần: Ngày 13/10/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 09/06/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.840.000đ; ngày 01/11/2018, vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 28/07/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 160.000đ; ngày 18/10/2018, vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 14/07/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 160.000đ; ngày 27/07/2018, vay 4.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 21/06/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.280.000đ; ngày 27/12/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cùng ngày trả gốc nên không phải trả lãi; ngày 25/07/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 03/12/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 640.000đ.

20. Anh Lê Văn B1 vay 01 lần: Ngày 20/04/2018, vay 25.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 05/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.600.000đ.

21. Bà Vũ Thị L1 vay 01 lần: Ngày 11/06/2019, vay 9.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/06/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.680.000đ.

22. Anh Nguyễn Trường G1, vay 04 lần: Ngày 24/04/2018, vay 5.000.000đ,

lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 19/03/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.445.000đ; ngày 12/03/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 06/03/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 11.880.000đ; ngày 09/02/2018, vay 6.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 10/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 594.000đ; ngày 22/01/2018, vay 3.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 08/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 178.200đ.

23. Anh Bùi Anh Q1 vay 01 lần: Ngày 28/08/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 13/11/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.950.000đ.

24. Ông Nguyễn Văn T10 vay 02 lần: Ngày 19/01/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 05/04/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.270.500đ; ngày 30/01/2018, vay 4.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 05/04/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 871.200đ.

25. Anh Đoàn Văn Đ1 vay 01 lần: Ngày 12/10/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 01/03/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.640.000đ.

26. Anh Nguyễn Văn C3 vay 10 lần: Ngày 04/07/2021, vay 7.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 29/12/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.076.000đ; ngày 11/04/2021, vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 04/08/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 580.000đ; ngày 27/07/2019, vay 2.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 24/09/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 600.000đ; ngày 26/05/2019, vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 12/07/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 240.000đ; ngày 19/05/2019 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/05/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3000đ; ngày 13/09/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 09/01/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 95.000đ; ngày 05/08/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 03/09/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 120.000đ; ngày 31/05/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả tiền gốc nên không trả lãi; ngày 29/04/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 28/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 150.000đ; ngày 21/05/2017 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 14/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.350.000đ.

27. Anh Lê Văn H4 vay 01 lần: Ngày 20/03/2019, vay 8.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 13/04/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 800.000đ.

28. Anh Lư Văn T11 vay 01 lần: Ngày 23/06/2017, vay 2.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 27/01/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 16.800.000đ, chưa trả số tiền gốc.

29. Anh Nguyễn Văn Quyền vay 08 lần: Ngày 19/07/2020 vay 1.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 17/08/2020 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 150.000đ; ngày 28/06/2020 vay 5.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày

17/07/2020 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 500.000đ; ngày 09/06/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 27/06/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 285.000đ; ngày 24/06/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 27/06/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 80.000đ; ngày 16/12/2017 vay 2.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 25/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.000.000đ; ngày 25/01/2018 vay 10.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 21/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.120.000đ; ngày 11/12/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 24/01/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.125.000đ; ngày 08/01/2018 vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 24/01/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 680.000đ.

30. Chị Trần Thị L2 vay 02 lần: Ngày 02/12/2017 vay 16.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 17/01/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 26.368.000đ; ngày 17/07/2017 vay 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 25/07/2017 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 720.000đ.

31. Ông Nguyễn Văn K1 vay 01 lần: Ngày 23/05/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 31/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 180.000đ.

32. Anh Phạm Văn C4 vay 02 lần: Ngày 25/06/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/11/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 980.000đ; ngày 04/07/2018 vay 15.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/11/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 8.400.000đ.

33. Anh Phạm Văn T12, vay 01 lần: Ngày 14/11/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 23/06/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.440.000đ.

34. Anh Nguyễn Văn C5 vay 01 lần: Ngày 26/07/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 08/08/2020 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.960.000đ.

35. Anh Hoàng Văn N3 vay 01 lần: Ngày 27/06/2021 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 21/02/2022 đã trả gốc đã vay và tổng số tiền lãi là 7.920.000đ.

36. Bà Trương Thị E vay 01 lần: Ngày 11/08/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/06/2021 đã trả gốc đã vay và tổng số tiền lãi là 28.200.000đ.

37. Anh Lê Văn D2 vay 03 lần: Ngày 27/07/2018 vay 7.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 03/01/2019 đã trả gốc đã vay và tổng số tiền lãi là 4.508.000đ; ngày 15/04/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 13/07/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.080.000đ; ngày 09/06/2017 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/04/2018 đã trả gốc đã vay và tổng số tiền lãi là 3.672.000đ.

38. Anh Phạm Văn D3 vay 02 lần: Ngày 30/10/2018, vay 10.000.000đ, lãi

suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 15/09/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 10.593.000đ; ngày 09/10/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 3.300đ/triệu/ngày, ngày 16/09/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 11.68000đ.

39. Chị Bùi Thị H5 vay 03 lần: Ngày 04/07/2018 vay 10.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 25/09/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.360.000đ; ngày 16/11/2017 vay 10.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 11/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.640.000đ; ngày 02/12/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 11/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 2.000.000đ.

40. Anh Nguyễn Văn N4 vay 01 lần: Ngày 01/09/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/05/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 2.016.000đ.

41. Ông Dương Văn S1 vay 01 lần: Ngày 21/04/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 17/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 160.000đ.

42. Chị Nguyễn Thị P1 vay 06 lần: Ngày 15/09/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 520.000đ; ngày 07/08/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả số tiền gốc nên không thu lãi; ngày 02/06/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 09/06/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 128.000đ; ngày 25/02/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 11/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 180.000đ; ngày 28/12/2017 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 25/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 480.000đ; ngày 29/09/2017 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 27/11/2017 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 240.000đ.

43. Anh Hoàng Trung K2 vay 01 lần: Ngày 26/07/2018 vay 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 18/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.800.000đ.

44. Anh Bùi Văn B2 vay 02 lần: Ngày 01/12/2021 vay 7.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 28/02/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 3.150.000, chưa trả số tiền gốc; ngày 21/10/2021 vay 6.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 19/03/2022, đã trả tổng số tiền lãi là 3.750.000đ, chưa trả số tiền gốc.

45. Phạm Văn B3 vay 04 lần: Ngày 24/10/2018 vay 7.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 05/12/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.204.000đ; ngày 23/05/2018 vay 30.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/08/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 11.040.000đ; ngày 30/04/2018 vay 15.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.380.000đ; ngày 12/05/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 220.000đ.

46. Chị Lê Thị Bích N5 vay 05 lần: Ngày 24/07/2021 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 08/09/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là

705.000đ; ngày 22/06/2021 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 19/07/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 140.000đ; ngày 06/04/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 25/05/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.250.000đ; ngày 31/03/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 02/04/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 75.000đ; ngày 01/03/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 23/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 575.000đ.

47. Anh Lê Văn M1 vay 07 lần: Ngày 19/11/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 11/02/2020 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.800.000đ; ngày 20/09/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 13/11/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 880.000đ; ngày 20/06/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/09/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.116.000đ; ngày 15/05/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 20/06/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 296.000đ; ngày 03/03/2018 vay 2.000.000đ, lãi suất vay 3.300đ/triệu/ngày, ngày 10/04/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 257.400đ; ngày 10/01/2018 vay 1.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 128.000đ; ngày 28/12/2017 vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/01/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 112.000đ.

48. Anh Lê Quang A vay 03 lần: Ngày 01/01/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 01/03/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.200.000đ; ngày 11/08/2021 12.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 24/12/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 8.160.000đ; ngày 29/10/2021 vay 8.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 22/12/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 200.000đ.

49. Anh Phạm Văn L3 vay 02 lần: Ngày 10/10/2018 vay 3.500.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 12/12/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.006.000đ; ngày 09/09/2017 vay 3.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.764.000đ.

50. Anh Nguyễn Văn V1 vay 02 lần: Ngày 23/09/2021 vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/02/2022 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.120.000đ; ngày 27/02/2022 vay 1.300.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, chưa trả tiền gốc và chưa đóng lãi.

51. Anh Trần Văn T13 vay 02 lần: Ngày 16/12/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 13/02/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 820.000đ; ngày 20/02/2018 vay 3.000.000đ, lãi suất vay 4.000đ/triệu/ngày, ngày 16/02/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 17.496.000đ, chưa trả tiền gốc.

52. Anh Nguyễn Thành L4 vay 01 lần: Ngày 29/06/2018 vay 5.000.000đ, lãi suất vay 5.000đ/triệu/ngày, ngày 31/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.125.000đ.

53. Bà Bùi Thị P2 vay 01 lần: Ngày 12/01/2018, vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, đến ngày 22/03/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.480.000đ.

54. Anh Nguyễn Văn H6 vay 01 lần: Ngày 21/06/2017, vay 2.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 13/09/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.500.000đ.

55. Anh Lê Văn Q3 vay 01 lần: Ngày 08/07/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 21/12/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 3.340.000đ.

56. Anh Lê Văn N6 vay 03 lần: Ngày 18/09/2021, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 12/11/2021 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 156.000đ; ngày 29/12/2021, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 26/02/2022, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 400.000đ; ngày 12/12/2021, vay 1.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 09/02/2022 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 240.000đ.

57. Anh Lê Văn H7 vay 02 lần: Ngày 01/02/2019, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả tiền gốc nên không thu tiền lãi; ngày 19/09/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 16/01/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.800.000đ.

58. Anh Lê Văn D4 vay 03 lần: Ngày 05/11/2019, vay 1.500.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả tiền gốc vay nên không thu tiền lãi; ngày 14/07/2018, vay 7.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 04/09/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 11.704.000đ; ngày 13/01/2018, vay 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 18/06/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1560.000đ.

59. Anh Lê Văn H8, vay 01 lần: Ngày 03/11/2017, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 27/09/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.580.000đ.

60. Chị Lê Thị M2 vay 01 lần: Ngày 26/09/2018, vay 3.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 29/10/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 408.000đ.

61. Anh Lê Văn T14 vay 01 lần: Ngày 22/11/2021, vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 19/2/2022 đã đóng lãi 3.600.000đ, chưa trả gốc.

62. Anh Vũ Văn Đ2, vay 01 lần: Ngày 18/07/2021 vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 13/01/2022 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 7.200.000đ.

63. Anh Hoàng Văn N7 vay 02 lần: Ngày 22/03/2019 vay 15.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 19/07/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.940.000đ; ngày 22/12/2018 vay 15.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 21/03/2019 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.400.000đ.

64. Bà Nguyễn Thị S2 vay 01 lần: Ngày 16/12/2017 vay 27.000.000đ, lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, ngày 24/01/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 5.400.000đ.

65. Anh Lê Văn N8 vay 01 lần: Ngày 10/04/2018, vay 20.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/04/2018 đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 80.000đ.

66. Anh Lê Văn T15 vay 01 lần: Ngày 04/07/2017, vay 3.000.000đ, lãi suất

3.300đ/triệu/ngày, ngày 01/02/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 108.700đ.

67. Anh Trần Văn V2 vay 04 lần: Ngày 24/06/2018, vay 3.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, cùng ngày đã trả tiền vay gốc nên không thu tiền lãi; ngày 07/05/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 11/05/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 100.000đ; ngày 23/04/2018, vay 25.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 27/04/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 500.000đ; ngày 04/10/2017, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 21/04/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 4.000.000đ.

68. Anh Lê Văn T16 vay 01 lần: Ngày 25/02/2022, vay 15.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 26/3/2022 đã trả tổng số tiền lãi là 1.440.000đ, chưa trả tiền gốc.

69. Anh Lê Anh T17 vay 03 lần: Ngày 19/05/2018, vay 2.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 22/08/2020, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 6.616.000đ; ngày 12/04/2018, vay 7.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 19/05/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 1.064.000đ; ngày 03/03/2018 vay 4.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 12/04/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi là 656.000đ.

70. Anh Trần Xuân T18 vay 03 lần: Ngày 28/03/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 12/11/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi 3.795.000đ; ngày 02/01/2018, vay 10.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 27/03/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi 805.000đ; ngày 06/11/2017 vay 5.000.000đ, lãi suất 3.300đ/triệu/ngày, ngày 02/01/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi 957.000đ.

71. Anh Nguyễn Văn C5 vay 01 lần: Ngày 18/08/2018, vay 5.000.000đ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày, ngày 10/03/2019, đã trả gốc và tổng số tiền lãi 4.100.000đ.

72. Chị Dương Thị L5 vay 01 lần: Ngày 06/06/2017 vay 10.000.000đ, lãi suất 3.000đ/triệu/ngày, ngày 10/02/2018, đã trả gốc và tổng số tiền lãi 7.500.000đ.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, số imei 353922106514050, lắp sim số điện thoại 0976168386; thu giữ của Phạm Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, số imei 356762085065725, lắp sim số điện thoại 0981123883, cần chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã K quản lý.

Tại bản Cáo trạng số: 95/CT-VKS ngày 30/20/2022, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã K, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS với tổng số tiền thu lời bất chính là 793.394.188đ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là: HĐXX): *Căn cứ:* Khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, 38 BLHS đối với bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T. *Tuyên bố:* Bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T

từ 09 tháng đến 11 tháng tù; *về hình phạt bổ sung*: Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 40.000.000đ đến 60.000.000đ nộp ngân sách nhà nước; *về biện pháp tư pháp*: Truy thu của Lê Văn H số tiền dùng vào việc phạm tội, tiền lãi theo quy định của BLDS và số tiền thu lợi bất chính sau khi trừ đi số tiền mà H phải trả lại cho người vay có yêu cầu nhận lại; *về xử lý vật chứng*: Tịch thu phát mại sung ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động; *về án phí*: Buộc Lê Văn H và Phạm Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận Quyết định truy tố và luận tội của VKSND thị xã K là đúng và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều xác định do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện việc cho vay lãi nặng từ năm 2017 đến ngày 03/4/2022; nguồn tiền dùng cho vay là của Lê Văn H, số tiền thu lợi bất chính H là người được hưởng, T được H thuê trông coi, quản lý quán, quản lý phần mềm cho vay, làm thủ tục nhập thông tin khách vay tiền vào phần mềm, cho khách vay tiền, nhắc khách trả lãi, tiến hành thu tiền gốc, lãi và được H trả lương hàng tháng; đối với số tiền vay gốc 20.000.000đ anh Nguyễn Văn H1 đã trả vào thời điểm các bị cáo bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc, các bị cáo chưa kịp cập nhật vào phần mềm nên trên phần mềm thể hiện anh Hiền chưa trả số tiền này; đối với 02 chiếc điện thoại bị Cơ quan điều tra thu giữ là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để nhập vào phần mềm theo dõi việc cho vay, giao dịch với người vay và nhắc lịch trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. *Về các hành vi, quyết định tố tụng*: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 03/4/2022, tại quán cầm đồ “Anh H” ở khu vực cổng Chợ Xanh, phường DT, thị xã K, Lê Văn H đã thuê Phạm Minh T quản lý quán, quản lý hoạt động cho người khác vay tiền. H, T đã cho 72 người vay tiền/165 lượt vay với lãi suất cho vay từ 3.000đ/triệu/ngày đến 5.000đ/triệu/ngày (*tương đương mức lãi suất cho vay từ 109,50%/năm đến 182,50%/năm*) với tổng số tiền lãi đã thu

(tính từ ngày 01/01/2018 đến khi bị bắt) là: 886.603.100đ.

[4]. Xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự: Tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu là 886.603.100đ, sau đi trừ đi tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) là 759.398.442đ. Ngoài ra, tính đến thời điểm bị bắt, số tiền gốc người vay chưa trả là 241.300.000đ tương ứng số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS là 21.730.411đ. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: “2. *Trường hợp cho vay lãi nặng chưa hết thời hạn vay theo thỏa thuận mà bị phát hiện thì số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay phải trả cho người cho vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn*”. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thu lợi bất chính là: 781.128.853đ.

[5]. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, song vì tư lợi các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện. Các bị cáo đã cho 72 người vay với lãi suất cho vay từ 109,50%/năm đến 182,50%/năm, đã vượt quá 5 lần mức lãi suất vay cao nhất do BLDS quy định, đã thu lợi bất chính số tiền 781.128.853đ. Do đó, hành vi của các bị cáo H và T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 321 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố và luận tội của VKSND thị xã K đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Các bị cáo hoạt động bằng hình thức cho vay lãi nặng từ năm 2017 đến khi bị phát hiện, đã cho nhiều người vay và thu lợi bất chính số tiền lớn, gây bức xúc trong dư luận. Do vậy, HĐXX thấy cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn H đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; còn bị cáo Phạm Minh T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau và cho vay quá lãi suất.

[8]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, mà số tiền thu lợi bất chính của mỗi lần phạm tội trên 30.000.000đ nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[9]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo là lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo H giao nộp Biên lai thu tiền, số tiền 50.000.000đ mà bị cáo H đã nhờ gia đình tự nguyện giao nộp trước cho Cơ quan thi hành án dân sự thị xã K và PH thu tiền ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid-19, điều đó thể hiện bị cáo H đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, có tinh thần tương thân, tương ái và đã làm giảm bớt tác hại của tội phạm nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[10]. Xét tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm, Lê Văn H là người thuê địa điểm, mở quán cầm đồ “Anh H”, dùng tiền cá nhân để cho vay, chỉ đạo, điều hành hoạt động cho vay lãi nặng nên giữ vai trò đầu vụ. Phạm Minh T được H thuê trông coi, quản lý quán, quản lý phần mềm cho vay, làm thủ tục nhập thông tin khách vay tiền vào phần mềm, cho khách vay tiền, nhắc khách trả lãi, tiến hành thu tiền lãi, thu tiền gốc nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Căn cứ vào vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy, mặc dù bị cáo H có vị trí, vai trò cao hơn bị cáo T nhưng bị cáo H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn (*H 05 tình tiết, T 02 tình tiết*), bị cáo T có nhân thân xấu hơn bị cáo H (*02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, trong đó 01 lần bị xử phạt về hành vi cho vay quá lãi suất*). Do đó, HĐXX thấy cần quyết định mức hình phạt của hai bị cáo bằng nhau là phù hợp với quy định tại Điều 58 BLHS.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[12]. Về biện pháp tư pháp:

[12.1]. Về số tiền dùng vào việc phạm tội: Các bị cáo dùng tổng số tiền 1.686.300.000đ cho 72 người vay/165 lần vay với lãi suất là 109,50%, 120,45%, 146,00% và 182,5%/năm. Trong đó, tiền gốc các bị cáo đã thu là 1.445.000.000đ, tiền gốc người vay chưa trả là 241.300.000đ, gồm: Anh Bùi Văn B2 13.000.000đ, anh Lê Văn T14 10.000.000đ, anh Lê Văn T16 15.000.000đ, anh Lư Văn Tân 2.000.000đ, anh Nguyễn Văn V1 1.300.000đ, anh Trần Văn T13 3.000.000đ, anh Trần Minh T4 60.000.000đ, bà Nguyễn Thị Thanh T5 7.000.000đ, anh Lê Quang H2 5.000.000đ, anh Nguyễn Xuân B 100.000.000đ và anh Lê Văn C1 25.000.000đ. Đây là số tiền bị cáo H dùng vào việc phạm tội nay tịch thu sung ngân sách nhà nước, buộc Lê Văn H phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.445.000.000đ, truy thu số tiền 241.300.000đ mà người vay chưa trả.

[12.2]. Về số tiền lãi: Quá trình cho vay, các bị cáo thực tế đã thu tổng số tiền lãi (*tính từ ngày 01/01/2018 đến khi bị bắt*) là 886.603.100đ. Trong đó, số tiền

lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 127.204.658đ, số tiền các bị cáo thực tế đã thu lợi bất chính là 759.398.442đ. Về số tiền thu lợi bất chính thì tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ không chứng minh được những người vay đã sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp. Trong những người vay, anh Bùi Văn B2, bà Nguyễn Thị S2 và chị Lê Thị Bích N5 có nguyện vọng được xin lại số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính, còn lại đều tự nguyện không yêu cầu được nhận lại. Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS, Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NG-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, HĐXX thấy cần buộc bị cáo H phải trả lại anh Bình, bà Suối và chị Ngọc số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính. Tịch thu thu sung vào ngân sách nhà nước các khoản tiền, gồm: Tiền lãi các bị cáo đã thu tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS và số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính (*sau khi trừ đi số tiền đã trả lại cho anh Bình, bà Suối và chị Ngọc*). Xét Lê Văn H là người trực tiếp là người thu lợi nên buộc Lê Văn H phải nộp sung ngân sách số tiền này.

[13]. *Về xử lý vật chứng*: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo sử dụng điện thoại để nhập phần mềm theo dõi các khoản vay, liên lạc, giao dịch và đòi nợ nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, của Lê Văn H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng của Phạm Minh T. Tịch thu cho tiêu hủy sim.

[14]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15]. Trong 72 người vay tiền, có những khoản vay từ trước ngày 01/01/2018, lời khai của người vay tiền đều xác định mục đích vay là do nhu cầu công việc và hoàn toàn tự nguyện tham gia giao dịch, không bị ép buộc hoặc bóc lột. Như vậy, chưa đủ căn cứ xác định tính chất chuyên bóc lột của các bị cáo nên hành vi cho vay này chưa đủ căn cứ để xử lý các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng” theo quy định tại Điều 163 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, hành vi cho vay quá lãi suất của các bị cáo có dấu hiệu vi phạm hành chính nhưng chưa bị xử lý. Do đó, HĐXX kiến nghị Trưởng Công an thị xã K xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cho vay quá lãi suất của H và T.

[16]. Trong vụ án này, các bị cáo còn có hành vi cho những người khác vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch những người vay tiền; các trường hợp khác vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra không làm việc được. Ngày 06/10/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K ra quyết định tách vụ án hình sự số 07 để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau;

[17]. Đối với chị Trần Thị Q3 là người cho H thuê nhà nhưng chị Quý không biết H, T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý.

[18]. Đối với ông Lê Văn Chính cho H vay số tiền 150.000.000đ nhưng

không biết H sử dụng số tiền này vào mục đích cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý.

[19]. Đối với Công ty cổ phần tập đoàn Tima có trụ sở tại tầng 9, tòa nhà Gold Tower, số 275 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội là đơn vị quản lý, điều hành phần mềm quản lý hoạt động cầm đồ, cho vay hợp pháp. Công ty giao cho nhân viên là anh Phạm Văn Tùng sinh năm 1991, trú tại số 236, ngõ 192 Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ kinh doanh chăm sóc khách hàng thuê sử dụng tài khoản đăng nhập vào website <https://ag.mecash.vn> do Công ty cổ phần tập đoàn Tima quản lý nhưng không biết H, T sử dụng phần mềm để hoạt động phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58; Điều 38 BLHS; khoản 5 Điều 328 BLTTHS đối với bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T; thêm điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H và Phạm Minh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo Lê Văn H nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh T 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo Phạm Minh T nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, phạt bổ sung bị cáo Lê Văn H số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), phạt bổ sung bị cáo Phạm Minh T số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 106 BLTTHS; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NG-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

4.1. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 1.686.300.000đ (*Một tỉ, sáu trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*) bị cáo Lê Văn H đã dùng vào việc phạm tội. Trong đó, buộc bị cáo Lê Văn H phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.445.000.000đ (*Một tỉ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng*), được trừ đi số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) bị cáo đã tự nguyện nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, theo Biên lai số: AA/2020/0000443 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 1.395.000.000đ (*Một tỉ, ba trăm chín mươi lăm triệu đồng*); truy thu số tiền 241.300.000đ (*Hai trăm*

bốn mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng) của những người vay chưa trả, buộc: Anh Bùi Văn B2 phải nộp số tiền 13.000.000đ, anh Lê Văn T14 phải nộp số tiền 10.000.000đ, anh Lê Văn T16 phải nộp số tiền 15.000.000đ anh Lư Văn Tân phải nộp số tiền số tiền 2.000.000đ, anh Nguyễn Văn V1 phải nộp số tiền 1.300.000đ, anh Trần Văn T13 phải nộp số tiền 3.000.000đ, anh Trần Minh T4 phải nộp số tiền 60.000.000đ, bà Nguyễn Thị Thanh T5 phải nộp số tiền 7.000.000đ, anh Lê Quang H2 phải nộp số tiền 5.000.000đ, anh Nguyễn Xuân B phải nộp số tiền 100.000.000đ, anh Nguyễn Văn H1 phải nộp số tiền 20.000.000đ và anh Lê Văn C1 phải nộp số tiền 25.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

4.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS các bị cáo đã thu là: 127.204.658đ; số tiền thực tế các bị cáo đã thu lợi bất chính sau khi trừ đi số tiền phải trả lại cho anh Bình, bà Suối và chị Ngọc là: 747.925.463đ. Tổng cộng (số tiền đã làm tròn): 875.130.100đ. Buộc bị cáo Lê Văn H phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 875.130.100đ (*Tám trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm ba mươi nghìn, một trăm nghìn đồng*).

4.3. Buộc bị cáo Lê Văn H phải có nghĩa vụ trả lại cho (*số tiền đã làm tròn*): Anh Bùi Văn B2 số tiền 6.143.800đ, chị Lê Thị Bích N5 số tiền 2.444.200đ, bà Nguyễn Thị S2 số tiền 2.885.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4.4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, phát mại sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu xanh, số imei 353922106514050; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu trắng, số imei 356762085065725. Tịch thu và tiêu hủy các sim số 0976168386 và 0981123883.

(Đặc điểm vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Hải Dương ngày 27/12/2022).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc Lê Văn H và Phạm Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 BLTTHS. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã K;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã K;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã K;
- Cơ quan THADS thị xã K;
- Hồ sơ nghiệp vụ công an thị xã K;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trưởng Công an thị xã K (đề kiến nghị);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đặng Đức Huân**